TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 204/2018/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 30 tháng 10 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S- THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 187/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

+ Ông **Trần Thiên T**, sinh năm 1949; nơi ĐKNKTT: 171 S city, Nj07304 USA; nơi đăng ký tạm trú: Số 39 D, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ 72 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; nơi đăng ký tạm trú: Số 46 D, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thiên T và bà Nguyễn Thị P xây dựng gia đình với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn được 10 ngày thì vợ chồng sống ly thân nhau cho đến hôm nay, nguyên nhân là do tính tình không hợp, khác nhau về quan

điểm sống. Xét thấy, ông Trần Thiên T và bà Nguyễn Thị P đã thật sự tự nguyện ly hôn. Mâu thuẫn giữa ông T và bà P đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà.

[2] Về con chung: Ông Trần Thiên T và bà Nguyễn Thị P xác định không có.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Thiên T và bà Nguyễn Thị P xác định không có.

[4] Các vấn đề khác: Ông Trần Thiên T và bà Nguyễn Thị P xác định không có nợ chung.

Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông T và bà P tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 9121 ngày 01/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng. Ông T và bà P đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thiên T và bà Nguyễn Thị P thống nhất thuận tình ly hôn. *(Theo giấy chứng nhận kết hôn số 223, quyển số 02/2015 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/11/2015).*

- Về con chung: Ông Trần Thiên T và bà Nguyễn Thị P xác định không có.

- Về tài sản chung: Ông Trần Thiên T và bà Nguyễn Thị P xác định không có.

- Các vấn đề khác: Ông Trần Thiên T và bà Nguyễn Thị P xác định không có nợ chung.

2. Về Lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông T và bà P tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 9121 ngày 01/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng. Ông T và bà P đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Đông Thanh